

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 25732020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**1. Ông Đàm Xuân N**, sinh năm: 1971.

**2. Bà Cao Thị Ngọc S**; sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: tổ S, Khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 02 tháng 11 năm 2020, ông N và bà S cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông N và bà S thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 10/12/2020. Ông N và bà S cùng cư trú tại phường T, thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của ông N và bà S được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông Đàm Ngọc N và bà Cao Thị Ngọc S chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65/2020, ngày 27/02/2020. Ông N và bà S xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông N và bà S thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông N và bà S xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông N và bà S thực sự tự nguyện ly hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu ông N và bà S.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đàm Ngọc N và bà Cao Thị Ngọc S.

- Về con chung: Ông N và bà S xác định không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà S xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đàm Ngọc N và bà Cao Thị Ngọc S mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007588 ngày 30/11/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, ông N và bà S đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và kháng bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Huệ**